

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2017

BÁO CÁO

Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng và giải pháp trong thời gian tới

(Báo cáo tại Hội nghị Chính phủ, ngày 14 tháng 10 năm 2017)

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo thực hiện công tác quản lý bảo vệ rừng từ khi Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo về “các giải pháp khôi phục rừng bền vững vùng Tây Nguyên nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2016-2020” tại Thông báo số 191/TB-VPCP ngày 22/7/2016 của Văn phòng Chính phủ đến nay như sau:

I. QUẢN TRIỆT, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Tại Thông báo số 191/TB-VPCP ngày 22/7/2016, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các giải pháp đồng bộ và phân công nhiệm vụ tổ chức thực hiện quyết liệt cho các Bộ, ngành, địa phương nhằm tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, phát triển lâm nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, nhất là đối với khu vực Tây Nguyên. Hơn một năm qua, Trung ương Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các ngành, các cấp đã ban hành các cơ chế, chính sách bảo vệ, phát triển rừng:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Chính phủ ban hành 04 văn bản: Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2017 về Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW của Ban Bí thư; Nghị định số 119/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 về một số chính sách quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu; Nghị định số 147/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty TNHH một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước.

- Thủ tướng Chính phủ ban hành 07 văn bản: Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 về một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp;

Quyết định số 44/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 về lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách của chủ rừng; Quyết định số 49/2016/QĐ-TTg ngày 02/11/2016 về Quy chế quản lý rừng sản xuất; Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 về phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 05/4/2017 về phê duyệt Chương trình quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng; bảo tồn, nâng cao trữ lượng các - bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng đến năm 2030; Quyết định số 626/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 về phê duyệt Đề án tăng cường năng lực quản lý hệ thống khu bảo tồn đến năm 2025, tầm nhìn 2030 (chi tiết tại phụ biểu 01).

- Phó Thủ tướng Chính phủ đã chủ trì Hội nghị toàn quốc tổng kết Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2016, gắn với tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp; triển khai Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020 và Tổng kết dự án tổng điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2013-2016. Hội nghị đã triển khai nhiều giải pháp quan trọng, trọng tâm là công tác quản lý, bảo vệ rừng.

- Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Quyết định số 3315/QĐ-BNN-TCLN ngày 12/8/2016 về Kế hoạch hành động thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về các giải pháp khôi phục rừng bền vững vùng Tây Nguyên nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2016-2020 và nhiều văn bản để hướng dẫn, đôn đốc các địa phương thực hiện các chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.

- Ở địa phương: đến nay, 50 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có diện tích rừng lớn đã ban hành Chương trình, Kế hoạch hành động của Tỉnh ủy hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW; 05 tỉnh đã xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP; các tỉnh Tây Nguyên đã xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Thông báo số 191/TB-VPCP. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trên cả nước đã triển khai đồng bộ, quyết liệt hơn các giải pháp quản lý, bảo vệ và phát triển rừng với mục tiêu bảo vệ, duy trì và phát triển diện tích rừng hiện có, tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp của các cấp chính quyền, vận động các tổ chức và người dân tham gia bảo vệ, phát triển rừng.

Như vậy, ngay sau khi có chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 191/TB-VPCP ngày 22/7/2016, và thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, các Bộ, ngành, cấp ủy, chính quyền địa phương đã chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện; nhận thức về trách nhiệm của các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương đối với công tác quản lý bảo vệ rừng bước đầu đã chuyển biến rõ nét, xã hội quan tâm

sâu sắc hơn. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách được hoàn thiện hơn, Luật Bảo vệ và Phát triển rừng đang được trình Quốc hội sửa đổi vào kỳ họp tới.

II. KẾT QUẢ TỔNG QUÁT QUẢN LÝ, BẢO VỆ RỪNG TOÀN QUỐC

1. Một số kết quả chính

Theo kết quả tổng điều tra, kiểm kê, công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2016, tổng diện tích có rừng 14.377.682 ha, tăng 315.826 ha so với năm 2015; trong đó: bằng khoanh nuôi, tái sinh và các giải pháp bảo vệ rừng rừng tự nhiên hiện có là 10.242.141 ha, tăng 66.621 ha; rừng trồng 4.135.541 ha, tăng 249.203 ha so với năm 2015. Độ che phủ rừng đạt 41,19%, tăng 0,35% so với năm 2015 (*chi tiết tại phụ biểu 02*).

Giá trị lâm nghiệp tăng bình quân 6,75%/năm trong giai đoạn 2013-2016 so với 5,03%/năm trong giai đoạn 2010-2012; sản lượng gỗ rừng trồng tăng hơn 3,3 lần, từ 5,6 triệu m³ năm 2011 lên 17,3 triệu m³ năm 2016; giá trị xuất khẩu đồ gỗ và lâm sản tăng hơn 2 lần, từ 2,8 tỉ USD/năm giai đoạn 2006-2010 lên 6,52 tỉ USD/năm giai đoạn 2012-2015, năm 2016 đạt 7,3 tỉ USD, xuất siêu 5,4 tỷ USD; ước cả năm 2017 đạt 7,6-7,8 tỉ USD; dịch vụ môi trường rừng trở thành nguồn tài chính quan trọng, góp phần nâng cao hiệu quả bảo vệ và phát triển rừng, tăng thu nhập cho chủ rừng, giảm áp lực chi ngân sách, hàng năm, thu từ 1.200-1.300 tỷ đồng, chi trả cho trên 5,4 triệu ha rừng, năm 2017 ước thu khoảng 1.650 tỷ đồng.

Như vậy, về tổng quát, bằng nhiều cơ chế, chính sách mới và sự tham gia của toàn xã hội vào công tác bảo vệ, phát triển rừng, diện tích rừng cả nước tiếp tục tăng lên, hiện thực hóa chủ trương xã hội hóa nghề rừng, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện sinh kế cho người làm nghề rừng.

Tuy nhiên, khu vực Tây Nguyên diện tích rừng tiếp tục giảm, với diện tích rừng hiện có 2.558.646 ha, giảm 3.170 ha so với năm 2015, trong đó: rừng tự nhiên 2.234.441 ha, giảm 11.473ha; rừng trồng 324.205 ha, tăng 8.304 ha so với năm 2015 (Đắk Nông giảm 2.337 ha, rừng tự nhiên giảm 8.132 ha, rừng trồng tăng 5.785 ha; Gia Lai giảm 1.151 ha, rừng tự nhiên giảm 1.894 ha, rừng trồng tăng 743 ha; Kon Tum giảm 194 ha, rừng tự nhiên giảm 525 ha, rừng trồng tăng 331 ha; Đắk Lắk giảm 180 ha, rừng tự nhiên giảm 597 ha, rừng trồng tăng 417; Lâm Đồng tăng 539ha, rừng tự nhiên giảm 478 ha, rừng trồng tăng 1.017 ha).

2. Về tình hình vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng

- 6 tháng cuối năm 2016, cả nước phát hiện 10.466 vụ vi phạm các quy định của nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng, giảm 915 vụ (8%), diện tích rừng bị thiệt hại 827 ha, giảm 18 ha (2%) so với cùng kỳ năm 2015; đã xử lý hành chính 9.520 vụ, xử lý hình sự 164 vụ (*chi tiết tại phụ biểu 3A*).

- 9 tháng đầu năm 2017, cả nước phát hiện 13.178 vụ vi phạm các quy định của nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng, giảm 3.439 vụ (21%), diện tích rừng bị thiệt hại 1.257 ha, giảm 3.078 ha (71%) so với cùng kỳ năm 2016; đã xử lý hành chính 10.985 vụ, xử lý hình sự 263 vụ (*chi tiết tại phụ biểu 3B*).

Riêng khu vực Tây Nguyên: 9 tháng đầu năm 2017, phát hiện 3.877 vụ vi phạm các quy định của nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng, giảm 10%, diện tích rừng bị thiệt hại 444 ha, tăng 23 ha (5%) so với cùng kỳ năm 2016, chiếm 53,7% tổng diện tích rừng bị thiệt hại cả nước.

Số liệu tổng hợp trên cho thấy, hơn một năm qua, công tác ngăn ngừa, đấu tranh với hành vi vi phạm pháp luật, nhất là đối với hành vi phá rừng trái pháp luật được các cấp, các ngành quan tâm hơn, nên tổng hợp tình trạng vi phạm pháp luật và diện tích bị thiệt hại do hành vi phá rừng trái pháp luật trên cả nước giảm, công tác quản lý bảo vệ rừng được chấn chỉnh một bước. Tuy vậy, tình hình vi phạm đối với rừng tự nhiên còn diễn biến phức tạp ở nhiều địa phương, nhất là khu vực Tây Nguyên và một số địa phương khu vực miền Trung, Điện Biên, một số vụ phá rừng nghiêm trọng, nhưng chậm bị phát hiện và xử lý ở các tỉnh Tây Nguyên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Nghệ An, Bắc Kạn, Điện Biên,... xử lý vi phạm thiếu kiên quyết, nhất quán; thậm chí có biểu hiện né tránh trách nhiệm, làm ngơ, tiếp tay cho người phá rừng, gây thiệt hại lớn đối với tài nguyên rừng, kỷ cương pháp luật không được thực hiện nghiêm túc, gây bức xúc trong xã hội.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐÓNG CỬA RỪNG TỰ NHIÊN

Đóng cửa rừng tự nhiên là một chủ trương lớn, vừa cấp bách, vừa lâu dài vì thế hệ tương lai và sự phát triển bền vững, trước yêu cầu thích ứng biến đổi khí hậu, có ý nghĩa kinh tế - xã hội - môi trường và nhân văn sâu sắc; nhưng đây là vấn đề phức tạp đòi hỏi quyết tâm cao, hành động nhất quán của các cấp, các ngành; cùng với giải quyết hài hòa các yêu cầu phát triển đất nước, nhu cầu quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế xã hội cấp thiết. Thực hiện đóng cửa rừng tự nhiên phải được tiến hành đồng bộ cả 3 lĩnh vực: chấm dứt khai thác chính gỗ rừng tự nhiên; quản lý chặt chẽ chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên; tăng cường các biện pháp chống chặt phá rừng trái pháp luật. Tổng hợp tình hình thực hiện trong hơn một năm qua như sau:

1. Về đóng cửa khai thác rừng tự nhiên

a) Về thực hiện chấm dứt khai thác chính gỗ rừng tự nhiên

Thực hiện Quyết định số 2242/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tăng cường công tác quản lý khai thác gỗ rừng tự nhiên giai đoạn 2014-2020; từ năm 2014, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo dùng

khai thác chính gỗ rừng tự nhiên (trừ Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Tô, tỉnh Kon Tum và Công ty TNHH MTV Lâm Công nghiệp Long Đại, tỉnh Quảng Bình được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững quốc tế).

- Năm 2015, Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho 02 tỉnh Kon Tum và Quảng Bình khai thác chính 13.500 m³ gỗ rừng tự nhiên theo phương án Quản lý rừng bền vững. Công ty TNHH một thành viên Lâm Công nghiệp Long Đại khai thác 5.500/5.500 m³ được cấp phép; Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Tô khai thác 3.882/8.000 m³ (đạt 48,5% chỉ tiêu), khối lượng đã cấp phép còn lại là 4.118 m³, không tiếp tục khai thác theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 191/TB-VPCP.

- Đầu năm 2016 (trước khi có Thông báo số 191/TB-VPCP), Thủ tướng Chính phủ cho phép Công ty TNHH một thành viên Lâm Công nghiệp Long Đại khai thác chính 5.500 m³ gỗ rừng tự nhiên theo phương án Quản lý rừng bền vững.

Từ năm 2017, thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã hướng dẫn các địa phương không cấp chỉ tiêu, đóng cửa khai thác chính gỗ rừng tự nhiên trên toàn quốc, kể cả các đơn vị đã có chứng chỉ quản lý rừng bền vững quốc tế.

b) Về khai thác tận thu, tận dụng gỗ rừng tự nhiên

Từ năm 2014, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã hướng dẫn các địa phương không giải quyết khai thác tận dụng sau khai thác chính, kể cả gỗ đò gãy, gỗ lóc lõi tồn rừng; đồng thời dừng việc cấp chỉ tiêu khai thác gỗ gia dụng, chuyển sang cơ chế hỗ trợ khác và sử dụng vật liệu thay thế. Như vậy, việc khai thác tận dụng gỗ do các địa phương giải quyết, chỉ thực hiện đối với diện tích rừng được phép chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật.

Tổng hợp báo cáo của các địa phương, tình hình khai thác tận dụng, tận thu gỗ như sau:

- Năm 2015, có 22 tỉnh (Lai Châu, Hòa Bình, Cao Bằng, Lào Cai, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Bắc Giang, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước, Bạc Liêu, Kiên Giang) khai thác tận dụng, tận thu 39.574 m³ gỗ quy tròn.

- Năm 2016, có 10 tỉnh (Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thanh Hóa, Quảng Bình, Quảng Trị, Bình Định, Bình Thuận, Kon Tum, Bình Phước) khai thác tận dụng, tận thu 24.386 m³ gỗ quy tròn.

- 9 tháng đầu năm 2017, có 12 tỉnh (Lai Châu, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Bắc Giang, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Khánh Hòa, Gia Lai) khai thác tận dụng, tận thu 18.297 m³ gỗ quy tròn.

c) Hỗ trợ của Nhà nước cho bảo vệ rừng để thực hiện đóng cửa khai thác gỗ rừng tự nhiên

Tại Quyết định số 2242/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp kinh phí, hỗ trợ các địa phương, chủ rừng triển khai thực hiện dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên. Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 330/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 về hướng dẫn lập dự toán, thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước để bảo vệ diện tích rừng tự nhiên của các Công ty Lâm nghiệp phải dừng khai thác. Những năm qua, ngân sách Trung ương đã giải quyết hỗ trợ như sau:

- Năm 2014: hỗ trợ cho 10 tỉnh, với kinh phí 65.764 triệu đồng, diện tích rừng được hỗ trợ 336.848 ha.

- Năm 2015: hỗ trợ cho 12 tỉnh, với kinh phí 68.222 triệu đồng, diện tích rừng được hỗ trợ 338.672 ha.

- Năm 2016: hỗ trợ cho 12 tỉnh, với kinh phí 65.125 triệu đồng, diện tích rừng được hỗ trợ 325.841 ha.

Như vậy, tổng kinh phí đã hỗ trợ trong 3 năm (2014-2016) là 199.111 triệu đồng. Kinh phí này cao hơn so với lợi nhuận thu được từ khai thác gỗ rừng tự nhiên của các Công ty được cấp phép khai thác chính gỗ rừng tự nhiên đầu tư cho công tác quản lý, bảo vệ rừng (*chi tiết tại phụ biểu 04*).

- Năm 2017, thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững theo Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã hướng dẫn các địa phương cân đối các nguồn lực bảo vệ rừng, trong đó có hỗ trợ thực hiện chấm dứt khai thác chính gỗ rừng tự nhiên trong kế hoạch sự nghiệp lâm nghiệp hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước và phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017.

d) Đánh giá chung

- Về cơ bản, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên đã được các cấp, các ngành nghiêm túc triển khai thực hiện; nhà nước đã quan tâm hỗ trợ các chủ rừng khi triển khai thực hiện quyết định này trong đối thoại đáng.

- Thực hiện đóng cửa rừng tự nhiên đã có tác động tích cực tăng giá nguyên liệu gỗ rừng trồng, người trồng rừng có thu nhập tăng, kích thích sử dụng đất trồng, đòi trợ để trồng rừng, góp phần nâng cao thu nhập cho người làm nghề rừng; tạo động lực cho đầu tư, phát triển rừng trồng để thay thế gỗ rừng tự nhiên.

- Tuy nhiên, hiện nay một số doanh nghiệp, địa phương vẫn đề nghị được phép khai thác gỗ rừng tự nhiên và cho rằng, việc không cho phép khai thác gỗ rừng tự nhiên tăng áp lực cho công tác bảo vệ rừng.

2. Quản lý việc chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên

Những năm qua, trước yêu cầu sử dụng đất cho phát triển kinh tế, xã hội ngày càng lớn, nên việc chuyển mục đích sử dụng rừng và đất lâm nghiệp diễn ra ở nhiều địa phương, nhưng một số nơi chưa được quản lý chặt chẽ, thiếu cân nhắc đầy đủ, toàn diện lợi ích trước mắt, lâu dài một cách khoa học, nên hơn 5 năm (2012-2017), diện tích rừng tự nhiên bị mất do chuyển mục đích sử dụng rừng tại các dự án được duyệt chiếm 89% tổng diện tích rừng giảm (hành vi phá rừng trái pháp luật làm mất 11% tổng diện tích rừng giảm).

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát các dự án đã chuyển mục đích sử dụng rừng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Văn bản số 3791/BNN-TCLN ngày 09/5/2017 đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát, báo cáo tình hình thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng từ 01/01/2012 đến hết tháng 4/2017.

- Theo báo cáo của 58 tỉnh, thành phố trong cả nước, trong giai đoạn 2012-2017, các cơ quan nhà nước đã phê duyệt chuyển mục đích sử dụng rừng 38.276 ha/1.892 dự án; trong đó: rừng tự nhiên 18.931 ha, rừng trồng 15.821 ha, đất chưa có rừng quy hoạch cho lâm nghiệp 3.524 ha.

Cụ thể các năm: năm 2012 là 14.440 ha/436 dự án; năm 2013 là 4.468 ha/359 dự án; năm 2014 là 6.081 ha/298 dự án; năm 2015 là 4.272 ha/327 dự án; năm 2016 là 6.914 ha/367 dự án; đầu năm 2017 là 1.071 ha/105 dự án.

- Tổng hợp đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng của các địa phương từ nay đến năm 2020

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Văn bản số 6570/BNN-TCLN ngày 08/8/2017, đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát các dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng từ nay đến năm 2020 theo đúng Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, hạn chế thấp nhất việc chuyển mục đích sử dụng rừng, quản lý chặt chẽ theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 30/9/2017, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được báo cáo của 30 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổng số dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng đã được phê duyệt, đang thực hiện và dự án có trong kế hoạch trung hạn đến năm 2020 là 1.071 dự án, diện tích đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng 60.129 ha, bao gồm: rừng tự nhiên 16.866 ha, rừng trồng 28.986 ha, đất chưa có rừng quy hoạch cho lâm nghiệp 14.277 ha; phân theo loại

đất rừng: đặc dụng 877 ha, phòng hộ 9.584 ha, sản xuất 49.667 ha (chi tiết tại phụ biểu 05). Chia theo niên độ như sau:

+ 292 dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước tháng 7 năm 2016, sau khi đã thực hiện điều chỉnh, cần thiết phải chuyển mục đích sử dụng rừng với diện tích đề nghị là 16.137 ha, bao gồm: rừng tự nhiên 6.760 ha, rừng trồng 6.953 ha, đất chưa có rừng quy hoạch cho lâm nghiệp 2.424 ha; phân theo loại đất rừng: đặc dụng 209 ha, phòng hộ 2.606 ha, sản xuất 13.319 ha.

+779 dự án trong danh mục các dự án kế hoạch trung hạn 2017 - 2020 đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng 43.992 ha, bao gồm: rừng tự nhiên 10.106 ha, rừng trồng 22.033 ha, đất chưa có rừng quy hoạch cho lâm nghiệp 11.853 ha; phân theo loại đất rừng: đặc dụng 668 ha, phòng hộ 6.978 ha, sản xuất 36.348 ha.

- Nhìn chung, việc chuyển mục đích sử dụng đã được giám sát chặt chẽ hơn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương rà soát, báo cáo tình hình, nhu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng. Việc thanh tra, kiểm tra tại một số địa phương được triển khai thực hiện nghiêm túc. Tuy vậy, các địa phương đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng từ nay đến năm 2020 với diện tích 60.129 ha, trong đó rừng tự nhiên 16.866 ha là rất lớn, cần phải được xem xét kỹ lưỡng, quản lý đúng pháp luật.

- Trong thời gian qua, một số địa phương đã giải quyết chuyển mục đích sử dụng rừng thiếu chặt chẽ, quản lý lỏng lẻo, để xảy ra sai phạm, việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang thực hiện dự án ở một số địa phương không được điều chỉnh trong quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng nên dẫn đến tình trạng quy hoạch luôn bị phá vỡ, nhiều dự án chưa chấp hành nghĩa vụ trồng rừng thay thế và đánh giá tác động môi trường, như: Dự án Khu du lịch liên hợp cao cấp New City Việt Nam, tỉnh Phú Yên; Dự án đầu tư Chăn nuôi bò thịt chất lượng cao, tỉnh Phú Yên; nhất là những sai phạm tại các dự án phát triển kinh tế, xã hội trồng cao su những năm trước vẫn tồn tại chưa được giải quyết dứt điểm; đáng quan tâm là một số nơi có biểu hiện vì lợi ích trước mắt, cục bộ địa phương.

3. Về chống chặt phá rừng trái pháp luật

a) Tình hình chung

- Tổng hợp báo cáo các địa phương, giai đoạn 2012-2017, diện tích rừng thiệt hại do phá rừng trái pháp luật là 4.218 ha, chiếm 11% tổng diện tích rừng bị mất do cả hành vi vi phạm pháp luật và chuyển mục đích sử dụng rừng.

- 6 tháng cuối năm 2016, cả nước phát hiện 924 vụ phá rừng trái pháp luật, giảm 38 vụ (4%), diện tích rừng bị thiệt hại 409 ha, giảm 119 ha (29%) so với cùng kỳ 2015.

- 9 tháng đầu năm 2017, cả nước phát hiện 1.697 vụ phá rừng trái pháp luật, giảm 118 vụ (7%), diện tích rừng bị thiệt hại 910 ha, giảm 394 ha (30%) so với cùng kỳ 2016.

Riêng khu vực Tây Nguyên phát hiện 757 vụ phá rừng trái pháp luật, tăng 88 vụ (13%), diện tích rừng bị thiệt hại 418 ha, tăng 145 ha (53%) so với cùng kỳ 2016.

Về tổng quát, số vụ vi phạm pháp luật và thiệt hại mất rừng đã giảm trong toàn quốc, cho thấy công tác quản lý bảo vệ rừng được các cấp, các ngành quan tâm tổ chức thực hiện có hiệu quả hơn, rừng trồng được bảo vệ chặt chẽ. Tuy vậy, tình trạng phá rừng tự nhiên trái pháp luật tại một số địa phương còn diễn ra phức tạp, nhiều vụ phá rừng quy mô lớn diễn ra trong thời gian dài nhưng chậm phát hiện, xử lý. Mục đích phá rừng tự nhiên lấy đất trồng rừng, chuyển từ sở hữu rừng nhà nước thành sở hữu tư nhân; canh tác nông nghiệp, trồng cây công nghiệp; khai thác gỗ có giá trị thương mại cao tại một số khu rừng tự nhiên còn gỗ quý. Địa bàn rừng bị phá trái pháp luật tập trung ở diện tích giao cho các Ban Quản lý rừng phòng hộ, Công ty Lâm nghiệp, nhất là diện tích đang trong quá trình sắp xếp chuyển giao về địa phương quản lý; rừng khu vực đưa ra khỏi quy hoạch lâm nghiệp, nhất là địa bàn các dự án phát triển kinh tế, xã hội; diện tích rừng do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

b) Trọng điểm phá rừng trong thời gian qua

- Khu vực Tây Nguyên: Các điểm nóng về phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật tập trung tại huyện Đăk Glông, Đăk Song, Tuy Đức và Krông Nô, tỉnh Đăk Nông; Đức Trọng, Đơn Dương, Lạc Dương, Đạ Tẻh và Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng; Ea Súp, Krông Bông, Krông Buk, Ea H'Leo và M'Đrăk, tỉnh Đăk Lăk; thị xã An Khê, Kbang và Chư Păh, tỉnh Gia Lai; Kon Rẫy, Ngọc Hồi và Kon Plông, tỉnh Kon Tum.

Tỉnh Đăk Nông diện tích bị thiệt hại do phá rừng lớn nhất trong 9 tháng đầu năm 2017 với diện tích rừng thiệt hại 225 ha, tăng 99 ha so cùng kỳ năm 2016. Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Nông đã huy động các lực lượng chức năng (Công An, Quân đội, Kiểm lâm) để ngăn chặn, xử lý các tổ chức, cá nhân buông lỏng quản lý, để xảy ra tình trạng phá rừng; chỉ đạo Công an khởi tố nhiều vụ án phá rừng trái pháp luật.

- Tại huyện Mùong Nhé, tỉnh Điện Biên, từ 2016 đến 9/2017, đã phát hiện 295 vụ phá rừng trái pháp luật, thiệt hại 288 ha rừng. Hiện nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tăng cường lực lượng liên ngành, triển khai các giải pháp, bước đầu tình trạng phá rừng đã được ngăn chặn.

- Tại tỉnh Bình Định: vụ phá rừng trái pháp luật tại xã An Hưng, huyện An Lão làm thiệt hại 60,90 ha rừng. Ngày 15/9/2017, Chi cục Kiểm lâm Bình Định đã khởi tố vụ án chuyển hồ sơ vụ án sang cơ quan điều tra để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Tại tỉnh Kon Tum: vụ khai thác rừng trái pháp luật tại Vườn Quốc gia Chư Mom Ray, huyện Sa Thầy và tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Ngọc Hồi, huyện Ngọc Hồi với tổng khối lượng gỗ vi phạm 747,610 m³, cơ quan điều tra tỉnh Kon Tum cần tổ chức điều tra, xác minh và sớm xử lý vi phạm theo quy định pháp luật.

- Tỉnh Bắc Kạn: vụ khai thác cây gỗ nghiên trái pháp luật tại Vườn quốc gia Ba Bể, khối lượng 251,561 m³, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương khẩn trương xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Nguyên nhân chủ quan của tình hình phá rừng trái pháp luật

- Chủ rừng buông lỏng quản lý, thiếu trách nhiệm, không phát hiện ngăn chặn kịp thời, báo cáo diện tích rừng bị thiệt hại không trung thực, không nghiêm túc thực hiện việc khắc phục hậu quả trồng lại rừng đối với diện tích rừng bị phá, để xâm canh, lấn chiếm đất kéo dài tạo thành hệ lụy xấu, khó xử lý (Ban Quản lý rừng phòng hộ Ya Hội, Ban Quản lý rừng phòng hộ Bắc An Khê, tỉnh Gia Lai; một số chủ rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông như: Công ty TNHH Thương mại Nguyên Vũ, Hợp tác xã nông nghiệp dịch vụ thương mại Hợp Tiến... và diện tích rừng do các Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý).

- Chính quyền địa phương cơ sở không thực hiện hết trách nhiệm quản lý nhà nước về quản lý bảo vệ rừng, vai trò chỉ đạo, điều hành còn mờ nhạt, thiếu tổ chức kiểm tra, giám sát thường xuyên.

- Một bộ phận cán bộ công chức các cơ quan quản lý nhà nước, nhất là Kiểm lâm địa bàn năng lực, nghiệp vụ yếu, thiếu tinh thần trách nhiệm, không kiểm tra, phát hiện, tham mưu cho chính quyền xử lý kịp thời, thậm chí còn biểu hiện làm ngơ, tiếp tay cho hành vi phá rừng trái pháp luật.

- Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, các lực lượng chức năng trong điều tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng thiếu chặt chẽ, chưa đồng bộ, hầu hết các vụ phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái phép chậm được điều tra, xử lý và để kéo dài.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

Bảo vệ, phát triển rừng, nhất là quản lý chặt chẽ rừng tự nhiên hiện có, vừa là nhiệm vụ cấp bách trước mắt, vừa lâu dài; phải được quan tâm chỉ đạo thường xuyên như nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị. Các ngành, các cấp tập trung triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ các chủ trương, chính sách

của Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Thực hiện nghiêm chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên, với các giải pháp đồng bộ: chấm dứt khai thác gỗ rừng tự nhiên, kiểm soát chặt chẽ chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên hiện có sang các mục đích khác; các dự án đã chuyển mục đích sử dụng rừng phải khẩn trương hoàn thành trách nhiệm trồng rừng thay thế; không chuyển mục đích sử dụng rừng ven biển, rừng ngập mặn; chống chặt phá rừng trái pháp luật có hiệu quả; từng bước khôi phục, phát triển diện tích, chất lượng rừng, nhất là phòng hộ đầu nguồn, ven biển.

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát: Nâng cao năng suất, chất lượng và phát huy giá trị của từng loại rừng, tăng giá trị rừng sản xuất trên đơn vị diện tích; góp phần đáp ứng các yêu cầu về giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tạo việc làm, tăng thu nhập, góp phần xóa đói, giảm nghèo, cải thiện sinh kế cho người dân làm nghề rừng, gắn với tiến trình xây dựng nông thôn mới, bảo đảm an ninh, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội.

b) Mục tiêu cụ thể phấn đấu đến năm 2020:

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp bình quân năm đạt từ 5,5-6,0%.
- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 42%; diện tích rừng các loại đạt 14,4 triệu ha.
- Nâng cao năng suất rừng trồng lên 20 m³/ha/năm.
- Giá trị xuất khẩu đồ gỗ và lâm sản đạt từ 8,0 đến 8,5 tỷ USD.
- Duy trì ổn định 25 triệu việc làm, tăng thu nhập, góp phần xóa đói, giảm nghèo, cải thiện sinh kế cho người làm nghề rừng.

2. Nhiệm vụ

- Bảo vệ và phát triển bền vững diện tích rừng hiện có và rừng được tạo mới trong giai đoạn 2016 - 2020.

- Đảm bảo 15% diện tích hệ sinh thái rừng bị suy thoái được phục hồi và bảo tồn, đặc biệt là hệ thống rừng đặc dụng; đến năm 2020, tăng thêm khoảng 100.000 ha rừng đặc dụng. Số lượng loài nguy cấp, quý, hiếm bị đe dọa tuyệt chủng và số lượng quần thể các loài được cải thiện.

- Tăng cường năng lực thực thi pháp luật, giảm căn bản tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, trong đó diện tích rừng bị thiệt hại và số vụ vi phạm giảm 30 - 35% so với giai đoạn 2011 - 2015.

- Trồng rừng: 1.025.000 ha; trong đó: 75.000 ha rừng phòng hộ, đặc dụng; 200.000 ha rừng trồng thâm canh gỗ lớn.

- Khoanh nuôi tái sinh rừng: 360.000 ha/năm.

- Trồng cây phân tán: 250 triệu cây.
- Chuyển hóa rừng trồng, kinh doanh gỗ nhỏ sang gỗ lớn: 90.000 ha.
- Tỷ lệ diện tích rừng trồng được kiểm soát chất lượng giống: 75 - 80%.

3. Giải pháp trọng tâm trong thời gian tới

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương có kế hoạch cụ thể hoàn thành toàn diện các nhiệm vụ tổng thể trên đây. Triển khai đồng bộ các giải pháp xác định tại Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 06/6/2017 và Đề án Tái cơ cấu ngành lâm nghiệp tại Quyết định số 1565/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/7/2013; đẩy nhanh sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Công ty lâm nghiệp theo phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ; tiếp tục triển khai có hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và thực thi Chương trình REDD+ quốc gia để tạo nguồn thu từ bán quyền phát thải các bon, tăng thu nhập cho người làm nghề rừng, giảm áp lực khai thác rừng tự nhiên. Đồng thời, tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng với các giải pháp trọng tâm sau:

3.1. Nghiêm túc thực hiện đóng cửa khai thác gỗ rừng tự nhiên

a) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Quán triệt, phổ biến, giải thích để các tổ chức, cá nhân được giao rừng tự nhiên hiểu rõ chủ trương dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên; hành động nhất quán của các cấp, các ngành; đồng thời quan tâm tháo gỡ, giải quyết các khó khăn, vướng mắc của chủ rừng khi thực hiện dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên, chuyển sang thực hiện nhiệm vụ khoán bảo vệ rừng, hoạt động công ích theo quy định của nhà nước.

- Thực hiện nghiêm túc chấm dứt khai thác chính và khai thác gỗ gia dụng rừng tự nhiên, khai thác tận thu, tận dụng; kiểm soát chặt chẽ việc giải quyết khai thác tận dụng đối với các dự án được phép chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định tại Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2017, không để thất thoát, lãng phí tài nguyên rừng, nhưng cũng không để lợi dụng khai thác ngoài khu vực cho phép, ngăn ngừa triệt để lợi ích cục bộ.

- Quản lý chặt chẽ các cơ sở chế biến gỗ; rà soát gỗ thực hiện truy xuất nguồn gốc gỗ tại các cơ sở chế biến để quản lý nguyên liệu hợp pháp. Các địa phương tiếp tục rà soát theo đúng quy hoạch, đình chỉ ngay những cơ sở vi phạm pháp luật, thành lập không đúng quy định của nhà nước. Đồng thời, kiểm soát chặt chẽ khâu lưu thông, xóa bỏ những tụ điểm kinh doanh, buôn bán gỗ, lâm sản trái pháp luật.

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tổng hợp, chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của địa phương, chủ rừng khi thực hiện đóng cửa khai thác gỗ rừng tự nhiên.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát để phát hiện, xử lý kịp thời đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật và chủ trương đóng cửa khai thác gỗ rừng tự nhiên.

3.2. Kiểm soát chặt chẽ các dự án chuyển mục đích sử dụng rừng

a) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Thực hiện nghiêm việc chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên theo đúng tinh thần Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và quy định tại Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2017 của Chính phủ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo rà soát nghiêm túc, báo cáo Thủ tướng Chính phủ các dự án cần phải chuyển mục đích sử dụng rừng cho mục đích quốc phòng, an ninh, các dự án phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội cần thiết, tổ chức giám sát chặt chẽ việc thực hiện, không để xảy ra vi phạm như tại một số địa phương trong thời gian qua.

- Tạm dừng chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên nghèo sang trồng cây công nghiệp, cây nông nghiệp, thủy điện nhỏ, kể cả các dự án đã được phê duyệt nhưng chưa thực hiện. Không cải tạo rừng khộp nghèo, nghèo kiệt khi chưa có đánh giá, khảo nghiệm khoa học và được sự xem xét, thỏa thuận của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; kiên quyết không chuyển mục đích sử dụng rừng ven biển; không chuyển loại rừng đặc dụng sang rừng phòng hộ, rừng sản xuất.

- Chỉ đạo, giải quyết vướng mắc để hoàn thành nhiệm vụ trồng rừng thay thế đối với diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với các dự án đã hoàn thành; không giải quyết ngoại lệ về miễn, giảm, chậm thực hiện trách nhiệm trồng rừng thay thế đối với dự án mới.

- Tổ chức rà soát, đình chỉ, thu hồi các dự án vi phạm pháp luật. Xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật hoặc lợi dụng chủ trương cải tạo rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng để trục lợi; đồng thời xử lý trách nhiệm bồi thường giá trị tài nguyên rừng.

- Kiểm điểm nghiêm túc, làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân để xảy ra sai phạm trong quản lý khi thực hiện các dự án chuyển mục đích sử dụng rừng, nhất là đối với các dự án đã có kết luận thanh tra, kiểm tra trong thời gian vừa qua.

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Hướng dẫn các địa phương rà soát, tổng hợp, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan đề xuất Thủ tướng Chính phủ về nhu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng, đất lâm nghiệp phục vụ cho mục đích quốc phòng, an ninh, yêu cầu cấp thiết về phát triển kinh tế - xã hội.

- Tổ chức kiểm tra, thanh tra chuyên ngành việc chấp hành pháp luật đối với các dự án chuyển mục đích sử dụng rừng.

c) Bộ Công thương

Chỉ đạo rà soát quy hoạch hệ thống thủy điện trên toàn quốc; dùng cấp phép đầu tư các công trình thủy điện nhỏ có chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên, trường hợp đặc biệt, cấp thiết phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định; kiên quyết thu hồi giấy phép, dùng hoạt động đối với những dự án không chấp hành trồng rừng thay thế và nghĩa vụ chi trả dịch vụ môi trường rừng.

3.3. Chống chặt phá rừng trái pháp luật

a) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra, rà soát các vụ điểm phá rừng; điều tra, xử lý nghiêm các vụ vi phạm theo quy định của pháp luật; công khai kết quả xử lý để toàn xã hội tham gia, giám sát.

- Kiểm điểm, xử lý nghiêm chủ rừng, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý bảo vệ rừng và người đứng đầu thiếu trách nhiệm, không phát hiện ngăn chặn kịp thời, tổ chức ngăn ngừa hành vi phá rừng; kiên quyết loại thải phần tử thoái hóa, biến chất ra khỏi cơ quan công quyền.

Đối với các tỉnh Tây Nguyên và một số địa phương không thể giải quyết dứt điểm được tình trạng phá rừng, tranh chấp, lấn chiếm đất rừng nghiêm trọng, kéo dài, thì đề nghị Bộ Công an phối hợp, hỗ trợ để điều tra, xử lý các vụ vi phạm pháp luật.

- Khẩn trương phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý Nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp cho chính quyền cơ sở.

- Tiếp tục giải quyết tình trạng di dân tự do, không để người dân phá rừng lấy đất sản xuất; đảm bảo cuộc sống của người dân sống trong và gần rừng, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Chấm dứt tình trạng người dân di cư phá rừng với quy mô lớn, tình hình đã trở nên phức tạp mới phát hiện.

- Đối với diện tích rừng và đất lâm nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý phải khẩn trương rà soát để tổ chức giao, cho thuê cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng theo quy định của pháp luật, cơ bản hoàn thành vào năm 2020.

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra các địa phương chấp hành nghiêm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; chỉ đạo lực lượng chức năng tăng cường, hỗ trợ các điểm nóng chặt phá rừng trái pháp luật.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương tiến hành rà soát, kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng kiểm lâm. Tăng cường kiểm tra, giám sát đột xuất hoạt động công vụ đối với công chức kiểm lâm toàn quốc; xử lý nghiêm các trường hợp tiêu cực, thiếu trách nhiệm, vi phạm tác phong, lề lối làm việc, không hoàn thành nhiệm vụ.

c) Bộ Tài nguyên và Môi trường

Chỉ đạo cơ quan Tài nguyên và Môi trường các cấp tăng cường công tác quản lý đất đai, chấm dứt tình trạng hợp thức hóa giao quyền sử dụng đất do phá rừng trái pháp luật mà có.

d) Bộ Công an

Chỉ đạo lực lượng công an địa phương có kế hoạch, phương án tập trung điều tra kịp thời, xử lý nghiêm minh các vụ án hình sự về quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản; hỗ trợ địa phương trong việc điều tra, xử lý vi phạm theo đúng quy định của pháp luật ở những khu vực phức tạp, nhạy cảm.

đ) Bộ Quốc phòng

Chỉ đạo các đơn vị quốc phòng đang quản lý diện tích rừng được giao thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý bảo vệ rừng; đồng thời chỉ đạo các đơn vị đóng quân trên địa bàn tham gia tích cực vào công tác bảo vệ rừng.

e) Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính

Phối hợp cân đối đủ nguồn vốn để thực hiện kế hoạch bảo vệ phát triển rừng hàng năm và các cơ chế, chính sách đầu tư trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đã ban hành.

g) Các cơ quan thông tin đại chúng

Tăng cường tuyên truyền về điển hình tốt trong công tác quản lý bảo vệ rừng; phản ánh trung thực, tạo nhận thức và hành động thống nhất đấu tranh, phòng ngừa đối với các hành vi vi phạm.

V. KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các địa phương để xảy ra tình trạng phá rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng không đúng quy định phải kiểm điểm làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân để xảy ra sai phạm, nhất là đối với một số địa phương đã có kết luận thanh tra, kiểm tra trong thời gian qua.

2. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ liên quan sớm trình, phê duyệt “Đề án bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững vùng Tây Nguyên giai đoạn 2016-2025”, và ưu tiên chỉ đạo, bố trí cân đối nguồn lực thực hiện Đề án này.

3. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Công an hỗ trợ các tỉnh điều tra, xử lý vi phạm về bảo vệ và phát triển rừng hiện nay ở địa bàn phức tạp, nhạy cảm./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Phụ biểu 01:

VĂN BẢN BAN HÀNH TỪ THÁNG 7/2016 ĐẾN 9/2017

(Kèm theo Báo cáo số BC-BNN-TCLN ngày tháng năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	Số, ký hiệu	Ngày tháng ban hành	Trích yếu	Cơ quan ban hành
I	VĂN BẢN BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT THAM MƯU BAN HÀNH			
1	13-CT/TW	12/01/2017	Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng	Ban Bí thư Trung ương Đảng
2	71/NQ-CP	08/8/2017	Ban hành Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW	Chính phủ
3	119/2016/NĐ-CP	23/8/2016	Về một số chính sách quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu	Chính phủ
4	147/2016/NĐ-CP	02/11/2016	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng	Chính phủ
5	38/2016/QĐ-TTg	14/9/2016	Ban hành một số chính sách BVPTR và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp	Thủ tướng Chính phủ
6	168/2016/NĐ-CP	27/12/2016	Quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước	Chính phủ
7	44/2016/QĐ-TTg	19/10/2016	Quy định về lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách của chủ rừng	Thủ tướng Chính phủ
8	49/2016/QĐ-TTg	02/11/2016	Ban hành Quy chế quản lý rừng sản xuất	Thủ tướng Chính phủ
9	886/QĐ-TTg	16/6/2017	Về phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020	Thủ tướng Chính phủ
10	419/QĐ-TTg	05/4/2017	Phê duyệt Chương trình quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng; bảo tồn, nâng cao trữ lượng các - bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng đến năm 2030	Thủ tướng Chính phủ

11	628/QĐ-TTg	10/5/2017	Kế hoạch hành động khẩn cấp bảo tồn các loài linh trưởng ở Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn 2030	Thủ tướng Chính phủ
12	626/QĐ-TTg	10/5/2017	Phê duyệt Đề án tăng cường năng lực quản lý hệ thống khu bảo tồn đến năm 2025, tầm nhìn 2030	Thủ tướng Chính phủ
II	VĂN BẢN DO BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN BAN HÀNH			
1	3315/QĐ-BNN-TCLN	12/8/2016	Kế hoạch hành động thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về các giải pháp khôi phục rừng bền vững vùng Tây Nguyên nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2016-2020	Bộ Nông nghiệp và PTNT
2	5602/BNN-TCLN	01/7/2016	Triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị về các giải pháp khôi phục rừng bền vững vùng Tây Nguyên nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2016-2020	Bộ Nông nghiệp và PTNT
3	10102/BNN-TCLN	22/07/2016	Triển khai Chương trình mục tiêu PTLN bền vững năm 2017	Bộ Nông nghiệp và PTNT
4	29/BNN-TCLN	04/01/2017	V/v tăng cường các giải pháp ngăn chặn, xử lý tình trạng phá rừng tại huyện Mường Nhé	Bộ Nông nghiệp và PTNT
5	1566/CĐ-BNN-TCLN	22/02/2017	Tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy rừng	Bộ Nông nghiệp và PTNT
6	2434/BNN-TCLN	23/3/2017	Về việc thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ rừng	Bộ Nông nghiệp và PTNT
7	3790/BNN-TCLN	09/5/2017	Tăng cường các giải pháp bảo vệ rừng năm 2017	Bộ Nông nghiệp và PTNT
8	3791/BNN-TCLN	09/5/2017	Về việc rà soát, báo cáo tình hình thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng và đất lâm nghiệp	Bộ Nông nghiệp và PTNT
9	6570/BNN-TCLN	08/8/2017	Báo cáo dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng	Bộ Nông nghiệp và PTNT
10	6632/BNN-TCLN	10/8/2017	Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ về việc thực hiện Chỉ thị 13-CT/TW	Bộ Nông nghiệp và PTNT
11	7919/BNN-TCLN	19/9/2017	V/v tăng cường công tác bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng tự nhiên để trồng rừng	Bộ Nông nghiệp và PTNT

Phụ biểu 02: HIỆN TRẠNG RỪNG ĐẾN 31/12/2016

(Kèm theo Báo cáo số BC-BNN-TCLN ngày tháng năm 2017
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Phân loại rừng	Tổng cộng	Thuộc quy hoạch 3 loại rừng			Ngoài quy hoạch 3 loại rừng
		Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	
TỔNG DIỆN TÍCH CÓ RỪNG	14.377.682	2.137.332	4.537.852	6.672.056	1.030.442
I. RỪNG PHÂN THEO NGUỒN GỐC	14.377.682	2.137.332	4.537.852	6.672.056	1.030.442
1. Rừng tự nhiên	10.242.141	2.055.270	3.871.422	3.915.643	399.806
2. Rừng trồng	4.135.541	82.062	666.430	2.756.413	630.636
II. RỪNG PHÂN THEO ĐIỀU KIỆN LẬP ĐỊA	14.377.682	2.137.332	4.537.852	6.672.056	1.030.442
1. Rừng trên núi đất	13.200.186	1.839.050	3.943.874	6.458.373	958.890
2. Rừng trên núi đá	927.549	264.773	459.131	153.660	49.985
3. Rừng trên đất ngập nước	203.473	33.046	115.948	44.918	9.561
4. Rừng trên cát	46.473	464	18.899	15.106	12.005
III. RỪNG TỰ NHIÊN PHÂN THEO LOÀI CÂY	10.242.141	2.055.270	3.871.422	3.915.644	399.806
1. Rừng gỗ	8.839.154	1.858.653	3.412.542	3.242.083	324.067
2. Rừng tre nứa	241.610	28.935	65.279	130.095	17.301
3. Rừng hỗn giao gỗ và tre nứa	1.156.589	167.530	391.947	539.943	57.169
4. Rừng cau dừa	4.787	152	1.654	3.522	1.268
IV. RỪNG GỖ TỰ NHIÊN PHÂN THEO TRỮ LƯỢNG	8.839.154	1.858.653	3.412.542	3.242.083	324.067
1. Rừng giàu	769.845	386.876	220.018	159.497	3.513
2. Rừng trung bình	2.165.480	623.317	797.328	720.289	24.564
3. Rừng nghèo	2.971.033	553.373	1.225.989	1.090.996	102.275
4. Rừng nghèo kiệt	588.150	90.798	217.668	248.878	29.146
5. Rừng phục hồi	2.344.646	204.289	951.539	1.022.422	164.569

Phụ biểu 3A:

KẾT QUẢ BẢO VỆ RỪNG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2016

(Kèm theo Báo cáo số BC-BNN-TCLN ngày tháng năm 2017
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Hạng mục	ĐVT	6 tháng cuối năm 2015	6 tháng cuối năm 2016	Tăng, giảm	Tăng, giảm (%)
1	Số vụ vi phạm	Vụ	11.381	10.466	-915	-8
-	Phá rừng trái phép	Vụ	962	924	-38	-4
-	Khai thác rừng trái phép	Vụ	973	903	-70	-7
-	Cháy rừng	Vụ	82	183	101	123
-	Quy định về sử dụng đất lâm nghiệp	Vụ	37	41	4	11
-	Vi phạm các quy định về quản lý động, thực vật hoang dã	Vụ	129	179	50	39
-	Vận chuyển, buôn bán lâm sản trái phép	Vụ	5.431	4.493	-938	-17
-	Vi phạm về CB gỗ và lâm sản	Vụ	339	750	411	121
-	Vi phạm khác	Vụ	3.428	2.993	-435	-13
2	Số vụ đã xử lý	Vụ	9.616	9.684	68	1
-	Xử lý hình sự	Vụ	145	164	19	13
-	Xử phạt hành chính	Vụ	9.471	9.520	49	1
3	Chống người thi hành công vụ		15	21	6	40
4	Bị thiệt hại	Ha	855	827	-18	-2
-	Cháy rừng	Ha	327	428	101	31
-	Phá rừng trái phép	Ha	528	409	-119	-29
5	Thu nộp ngân sách	1000đ	93.654.277	92.656.768	-997.509	-1
6	Lâm sản tịch thu	m3	11.928	11.775	-153	-1
-	Gỗ tròn	m3	5.757	4.722	-1035	-18
-	Gỗ xẻ	m3	6.171	7.053	882	14

Phụ biểu 3B:

KẾT QUẢ BẢO VỆ RỪNG NĂM 2017 (ĐẾN THÁNG 9/2017)

(Kèm theo Báo cáo số BC-BNN-TCLN ngày tháng năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Hạng mục	ĐVT	Số liệu 9 tháng năm 2016	Số liệu 9 tháng năm 2017	Tăng, giảm	Tăng, giảm (%)
1	Số vụ vi phạm	Vụ	16.617	13.178	-3.439	-21
-	Phá rừng trái phép	Vụ	1.815	1.697	-118	-7
-	Khai thác rừng trái phép	Vụ	1.285	1.110	-175	-14
-	Cháy rừng	Vụ	422	155	-267	-63
-	Quy định về sử dụng đất lâm nghiệp	Vụ	74	142	68	92
-	Vi phạm các quy định về quản lý động, thực vật hoang dã (Cites)	Vụ	231	150	-81	-35
-	Vận chuyển, buôn bán lâm sản trái phép	Vụ	7.266	5.344	-1.922	-26
-	Vi phạm về chế biến gỗ và lâm sản	Vụ	692	852	160	23
-	Vi phạm khác	Vụ	4.832	3.728	-1.104	-23
2	Số vụ đã xử lý	Vụ	13.716	11.198	-2.518	-18
-	Xử lý hình sự	Vụ	245	263	18	7
-	Xử phạt hành chính	Vụ	13.471	10.935	-2.536	-19
3	Bị thiệt hại	Ha	4.335	1.257	-3.078	-71
-	Cháy rừng	Ha	3.031	347	-2684	-89
-	Phá rừng trái phép	Ha	1.304	910	-394	-30
4	Thu nộp ngân sách	1000đ	131.364.564	129.658.702	-1.705.862	-1
5	Lâm sản tịch thu	m3	25.089.00	14.345	-10.744	-43
-	Gỗ tròn	m3	12.918	8.402	-4.516	-35
-	Gỗ xẻ	m3	12.171	5.943	-6.228	-51

Phụ biểu 04:

**TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ THỰC HIỆN DỪNG KHAI THÁC GỖ RỪNG
TỰ NHIÊN THEO QUYẾT ĐỊNH 2242/QĐ-TTg**

(Kèm theo Báo cáo số BC-BNN-TCLN ngày tháng năm 2017
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tỉnh, TP	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Tổng kinh phí (tr.đ)
		Diện tích (ha)	Kinh phí (tr.đ)	Diện tích (ha)	Kinh phí (tr.đ)	Diện tích (ha)	Kinh phí (tr.đ)	
	Tổng số	336.848	65.764	338.672	68.222	325.841	65.125	199.111
1	Yên Bái	5.567	1.113	5.567	1.113	5.567	1.113	3.339
2	Bắc Kạn	8.422	1.643	8.422	1.643	8.422	1.643	4.929
3	Quảng Bình	88.896	17.779	60.943	12.189	60.943	12.189	42.157
4	Khánh Hòa	-	-	25.525	5.105	25.525	5.105	10.210
5	Ninh Thuận	24.181	4.346	24.181	4.836	24.181	4.836	14.018
6	Lâm Đồng	29.339	5.867	29.339	5.867	29.339	5.867	17.601
7	Hà Tĩnh	21.239	3.176	24.939	4.979	20.089	4.018	12.173
8	Bình Định	19.988	3.997	19.460	3.892	19.460	3.892	11.781
9	Quảng Ngãi	6.911	1.382	4.009	801	4.009	801	2.984
10	Đắk Nông	113.407	22.681	106.975	21.935	100.001	20.000	64.616
11	Bình Thuận	-	-	10.414	2.082	9.408	1.881	3.963
12	Lao Cai	18.898	3.780	18.898	3.780	18.897	3.780	11.340

Phụ biểu 05: TÓNG HỢP ĐỀ XUẤT DỰ ÁN CẢN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG ĐẾN NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số BC-BNN-TCLN ngày tháng năm 2017
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên dự án	Số dự án	Diện tích chuyên MĐSDR chia theo loại rừng (ha)				Diện tích chuyên MĐSDR theo chức năng (ha)		
			Tổng DT chuyên đới	Rừng TN	Rừng trồng	Đất không có rừng	Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất
Tổng cộng		1.071	60.129	16.866	28.986	14.277	877	9.584	49.667
I	Các DA đã phê duyệt, sau khi điều chỉnh, vẫn có nhu cầu CMDSDR	292	16.137	6.760	6.953	2.424	209	2.606	13.319
1	Nhóm dự án quốc phòng, an ninh	31	1.042	50	519	473	-	199	843
2	Nhóm dự án công trình công cộng, an sinh xã hội	106	3.747	1.358	1.763	626	10	1.318	2.417
3	Nhóm dự án phát triển NL nghiệp	10	7.169	4.684	2.465	20	-	54	7.116
4	Nhóm dự án khai thác khoáng sản	25	630	74	496	60	2	60	567
5	Nhóm dự án đầu tư công nghiệp, du lịch, thương mại	87	2.970	251	1.710	1.009	187	823	1.959
6	Nhóm dự án Thủy điện	33	579	343	0	236	10	152	417
II	Các dự án trong kế hoạch trung hạn đến năm 2020	779	43.992	10.106	22.033	11.853	668	6.978	36.348
1	Nhóm dự án quốc phòng, an ninh	117	5.998	1.372	1.526	3.100	53	1.136	4.809
2	Nhóm dự án công trình công cộng, an sinh xã hội	349	8.117	1.658	5.419	1.040	373	2.280	5.466
3	Nhóm dự án phát triển NL nghiệp	31	16.153	5.549	5.994	4.610	91	108	15.953
4	Nhóm dự án khai thác khoáng sản	73	2.090	387	756	947	5	199	1.887
5	Nhóm dự án đầu tư công nghiệp, du lịch, thương mại	100	10.047	303	8.174	1.570	44	2.810	7.193
6	Nhóm dự án Thủy điện	109	1.587	837	164	586	102	445	1.040